TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP

GIÁ CẢ NÔNG SẢN

CHỢ TAM BÌNH - THỦ ĐỨC (Ngày 22/11/2018)

STT	Tên sản phẩm	Giá cả thị trường (VNĐ/kg)
I	**Rau lá, củ quả**	
1	Cải thảo	11.000
2	Xà lách búp	10.000
3	Cải bắp tròn	8.000
4	Cải ngọt	5.000
5	Cải bẹ xanh	23.000
6	Rau muống nước	18.000
7	Rau muống hạt	8.000
8	Cải thìa	6.000
9	Rau quế	14.000
10	Bầu	6.000
11	Su su	4.000
12	Khoai lang bí	10.000
13	Cà chua	20.000
14	Bông cải xanh	15.000
15	Cà rốt	18.000
16	Củ cải trắng	5.000
17	Su hào	8.000
18	Đậu hà lan	50.000
19	Đậu côve trắng	23.000
20	Khoai tây hồng	28.000
21	Bí đỏ	5.000
22	Bí xanh	8.000
23	Khổ qua	12.000
24	Dưa leo	9.000
25	Đậu bắp	13.000
26	Cà tím	7.000

27	Ớt cay Batri	32.000
28	Chanh giấy	18.000
29	Tỏi	68.000
30	Hành lá (hành hương)	19.000
31	Ngò rí	16.000
32	Rau dền	10.000
II	**Trái cây**	
1	Cam sành	9.000
2	Cam xoan	23.000
3	Quýt đường	33.000
4	Quýt tiều	
5	Bưởi da xanh	40.000
6	Bưởi năm roi	24.000
7	Xoài Đài Loan	18.000
8	Xoài cát Hòa Lộc	80.000
9	Xoài ghép	13.000
10	Xoài cát chu	20.000
11	Táo xanh	10.000
12	Dưa hấu dài đỏ	10.000
13	Dưa hấu sọc	10.000
14	Nho đỏ Phan Rang	18.000
15	Thanh Long Bình Thuận	25.000
16	Thanh Long Long An	25.000
17	Đu đủ	8.000
18	Chôm chôm thái	35.000
19	Chôm chôm nhãn	35.000
20	Mãng cầu tròn	40.000
21	Nhãn huế	18.000
22	Nhãn xuồng	70.000
23	Lồng mứt	23.000